

QUAN HỆ CHÍNH TRỊ - NGOẠI GIAO GIỮA CHDCND TRIỀU TIÊN VÀ HÀN QUỐC: NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHỦ YẾU

TRẦN THỊ NHUNG^(*)

Hơn nửa thế kỷ qua, bán đảo Triều Tiên bị chia cắt thành 2 quốc gia độc lập: CHDCND Triều Tiên (Bắc Triều Tiên) và Đại Hàn Dân quốc (Nam Triều Tiên). Diễn biến trong mối quan hệ liên Triều được không chỉ nhân dân hai nước quan tâm, mà cả thế giới cũng dõi theo. Cho đến nay, khó có thể kể hết được đã có bao nhiêu cuộc họp, hội nghị quốc gia và quốc tế bàn về vấn đề bán đảo Triều Tiên. Quan hệ giữa hai nước tuy có lúc hòa dịu nhưng chủ yếu vẫn luôn ở trong tình trạng căng thẳng, xung đột, có nguy cơ tái diễn chiến tranh. Bài viết trình bày một số đặc điểm chủ yếu trong quan hệ chính trị ngoại giao giữa hai nước thời gian qua.

1. Trong Chiến tranh Lạnh, quan hệ giữa 2 miền Triều Tiên luôn ở trong tình trạng căng thẳng, thù địch, đối đầu, không tiếp xúc hay đàm phán. Khi tình hình quan hệ quốc tế được cải thiện, quan hệ liên Triều cũng được tiến triển đôi chút.

Sau Hiệp định đình chiến Nam-Bắc Triều Tiên ngăn chặn cuộc xung đột quốc tế trên quy mô lớn được ký kết ở Panmunjom (Bàn Môn Điểm) ngày 27/7/1953, vĩ tuyến 38 được lấy làm ranh giới quân sự giữa hai miền Nam-Bắc, tình trạng nghi kỵ, thù địch lẫn nhau ngày càng tăng, gây trở ngại lớn cho việc tổ chức đối thoại và hoà giải. Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, phía Bắc và phía Nam bán đảo Triều Tiên với hai nhà nước (CHDCND Triều Tiên

và Hàn Quốc) có chế độ chính trị khác nhau, không công nhận sự tồn tại của nhau và luôn duy trì quan hệ thù địch, không tiếp xúc hay đàm phán. Bên nào cũng muốn dùng vũ lực để sáp nhập bên kia làm cho cuộc chạy đua vũ trang và chiến tranh ngoại giao giữa hai miền diễn ra quyết liệt.

Khi tình hình quan hệ quốc tế được cải thiện vào đầu thập niên 1970, hai bên bắt đầu tiến hành các cuộc đối thoại. Ngày 4/7/1972, hai miền Triều Tiên ra *Thông cáo chung hai miền* về việc nhất trí tìm cách thực hiện thống nhất Triều Tiên theo nguyên tắc hoà bình, độc lập, vượt qua những khác biệt về tư tưởng và chế độ chính trị, không

^(*) TS., Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.

có sự can thiệp của nước ngoài. Để đạt được mục đích, hai bên đã thỏa thuận chấm dứt khiêu khích vũ trang, đẩy mạnh các chương trình trao đổi và thiết lập đường dây nóng giữa Seoul và Bình Nhưỡng. Tuy nhiên mong ước đã không trở thành hiện thực do sự khác biệt về quan điểm chính sách và tình trạng nghi kỵ nhau quá sâu sắc giữa hai bên.

Sau *Tuyên bố đặc biệt* của Tổng thống Hàn Quốc Roh Tae-woo ngày 7/7/1988, trong đó nhấn mạnh rằng Hàn Quốc sẽ đẩy mạnh việc trao đổi nhân sự thuộc mọi tầng lớp ở cả hai miền, cho phép người Triều Tiên ở trong và ngoài nước được tự do thăm viếng lẫn nhau, mở rộng buôn bán liên Triều, loại bỏ ngoại giao đôi đầu, tiến hành nhiều biện pháp để giao lưu giữa hai miền, những cuộc họp của quan chức chính phủ hai nước bắt đầu diễn ra liên tiếp.

2. Bước vào thập niên 90 của thế kỷ XX, do tình hình thế giới có những biến đổi sâu sắc, quan hệ CHDCND Triều Tiên-Hàn Quốc chuyển từ đôi đầu sang cùng tồn tại hòa bình và mở ra con đường giải quyết vấn đề thống nhất thông qua đối thoại và hợp tác.

Sau Chiến tranh Lạnh, trong xu thế vận động chung của thế giới là hoà bình, ổn định, hợp tác để phát triển, cả CHDCND Triều Tiên và Hàn Quốc đều xúc tiến cải thiện quan hệ với nhau để thiết lập một nền hoà bình vững chắc cho bán đảo Triều Tiên. Cuộc họp đầu tiên giữa Thủ tướng của hai nước đã được tiến hành vào tháng 9/1990 và sau 5 lần họp giữa các thủ tướng, *Hiệp định hoà giải, không xâm lược, giao lưu và hợp tác* giữa hai nước Triều Tiên (hay còn gọi là *Hiệp định cơ bản Bắc - Nam*) đã được ký kết vào ngày 13/12/1991.

Hiệp định này đã mở ra một giai đoạn mới cho tiến trình hoà bình trên bán đảo Triều Tiên.

Hiệp định bao gồm 25 điều, đề cập đến tất cả các lĩnh vực, trong đó nhấn mạnh: "hai bên sẽ không sử dụng vũ lực chống lại nhau" và "sẽ giải quyết những bất đồng ý kiến và tranh chấp thông qua đối thoại và thương lượng". Hai bên thỏa thuận tiến hành những cuộc trao đổi, hợp tác và tin tưởng lẫn nhau trong các lĩnh vực.

Bên cạnh đó, hai chính phủ còn ký một bản *Tuyên bố chung phi hạt nhân hóa trên bán đảo Triều Tiên*. Tuyên bố này gồm 6 điểm, trong đó đáng chú ý là những nội dung như: hai miền Nam – Bắc Triều Tiên sẽ: không thử, sản xuất, nhận, xử lý, tàng trữ, triển khai hoặc sử dụng vũ khí hạt nhân; chỉ sử dụng năng lượng hạt nhân vì mục đích hoà bình; không có các cơ sở chế biến hạt nhân và làm giàu uraniom, v.v... Tháng 9/1992, hai bên tiếp tục thông qua thêm 3 Hiệp định, trong đó chứa đựng những biện pháp cụ thể để thực hiện *Hiệp định cơ bản Bắc-Nam*.

Năm 1998, sau khi lên cầm quyền, Tổng thống Hàn Quốc Kim Dae-Jung muốn cải thiện quan hệ giữa hai miền Triều Tiên thông qua "Hội nghị 4 bên" (Mỹ, Trung Quốc và hai miền Triều Tiên) nhằm làm dịu tình hình căng thẳng đôi đầu trên bán đảo. Ông Kim Dae-Jung đã đưa ra chính sách 3 điểm về Triều Tiên: *thứ nhất*, duy trì một tư thế an ninh mạnh, Hàn Quốc không dung thứ bất cứ mưu toan phá hoại hoà bình nào từ phía Bắc; *thứ hai*, Hàn Quốc không có ý định thống nhất đất nước bằng cách sáp nhập miền Bắc, mà thay vào đó, sẽ tìm cách cùng tồn tại và

cùng phát triển thịnh vượng với miền Bắc; *thứ ba*, Hàn Quốc sẽ tiếp tục cải thiện và phát triển quan hệ liên Triều bằng cách đẩy mạnh trao đổi và hợp tác trong nhiều lĩnh vực. Triết lý thống nhất của ông Kim Dae-Jung bao gồm 3 nguyên tắc cơ bản, đó là: độc lập, hoà bình và dân chủ. Theo đó, tất cả những vấn đề có liên quan đến bán đảo Triều Tiên, kể cả vấn đề thống nhất, cần phải được giải quyết theo tinh thần tự quyết dân tộc, thông qua đàm phán hoà bình và dân chủ.

Trên cơ sở đó, Tổng thống Kim Dae-Jung đã thi hành *Chính sách ánh dương* đối với CHDCND Triều Tiên. Chính sách này được thực hiện theo nguyên tắc tách kinh tế ra khỏi chính trị. Theo đó, Hàn Quốc tiến hành đơn giản hoá các thủ tục kinh doanh, nới lỏng các hạn chế đầu tư vào CHDCND Triều Tiên (giải toả hoàn toàn lệnh cấm vận đầu tư, sửa đổi khung trần giới hạn vốn đầu tư), công bố các kế hoạch cung cấp viện trợ... nhằm hợp tác kinh tế với CHDCND Triều Tiên.

Hội nghị thượng đỉnh liên Triều lần thứ nhất được tổ chức vào ngày 13-15/6/2000 đã tập trung bàn bạc về khả năng thống nhất trên 3 nguyên tắc độc lập, hoà bình và đại đoàn kết dân tộc; khẳng định lại nguyện vọng phi hạt nhân hoá bán đảo Triều Tiên; đoàn tụ những gia đình bị ly tán để tiến tới sự hoà hợp và đồng nhất dân tộc; bàn các vấn đề hợp tác kinh tế song phương, vấn đề giải trừ vũ khí hạt nhân và phối hợp các vấn đề liên quan đến lợi ích dân tộc như đã nêu trong *Hiệp định cơ bản Bắc - Nam* năm 1991, v.v...

Cuộc gặp cấp cao lịch sử này đã tạo đà cho hai bên hàn gắn vết thương chia

cắt, là cầu nối đưa bán đảo Triều Tiên hướng tới sự thịnh vượng trong hoà bình và thống nhất, là bước khởi đầu hết sức tích cực thúc đẩy quá trình hoà bình và tái thống nhất bán đảo Triều Tiên. Nó đã đem lại một sức sống mới cho những cố gắng nhằm đảm bảo hoà bình một cách lâu dài và bền vững ở khu vực này trong thế kỷ XXI.

3. Mối quan hệ hai miền Triều Tiên thực sự được khởi sắc từ sau Hội nghị thượng đỉnh liên Triều lần thứ nhất (năm 2000). Các cuộc họp cấp bộ diễn ra liên tục và hai bên đã đạt được nhiều thỏa thuận cơ bản.

Kể từ sau Hội nghị thượng đỉnh liên Triều lần thứ nhất, mối quan hệ hai miền được cải thiện đáng kể. Trên mặt trận chính trị, các cuộc hội đàm song phương diễn ra liên tục, nhất là sau khi ông Roh Moo Hyun đắc cử Tổng thống Hàn Quốc vào tháng 12/2002, CHDCND Triều Tiên đã từng bước tiên phong tiến tới hội đàm liên Triều và thúc đẩy việc thống nhất. Chỉ tính đến tháng 10/2005 đã có tất cả 159 cuộc hội đàm. Trong giai đoạn đó, Hàn Quốc và CHDCND Triều Tiên đã tổ chức các cuộc họp về các lĩnh vực kinh tế, quân sự, thể thao cũng như các cuộc họp của Hội chữ thập đỏ và 16 vòng đàm phán cấp bộ.

Trong các cuộc hội đàm, CHDCND Triều Tiên đã tận dụng cơ hội để đem lại lợi ích về kinh tế, nhấn mạnh vào mối quan hệ liên Triều để phản ứng lại Mỹ như là một cách đề cập đến vấn đề khủng hoảng hạt nhân từ giai đoạn giữa và tạo cơ sở cho việc hợp tác và trao đổi trong giai đoạn tiếp theo. Nhìn nhận thấu đáo hơn ta có thể nhận ra một số đặc điểm:

Trước hết, miền Bắc được đảm bảo các lợi ích kinh tế qua việc liên kết hoặc sử dụng kế hoạch của Ủy ban hợp tác kinh tế Nam - Bắc. Sự thành công của cuộc họp lần thứ nhất đã mở ra cơ hội để có cuộc họp Ủy ban lần thứ 2 giúp CHDCND Triều Tiên có được 400.000 tấn gạo và 100.000 tấn phân bón. Kể từ đó, những cuộc họp cấp bộ thường được tổ chức và kế tiếp (sau 1 tháng) thì lại có cuộc họp uỷ ban tại cùng địa điểm.

Thứ hai, theo điều 1 của *Tuyên bố chung* ngày 15/6/2000 (độc lập quá trình tiến hành các vấn đề thống nhất), CHDCND Triều Tiên chủ động hưởng ứng các hoạt động chung bao gồm các sự kiện thể thao và các sự kiện văn hoá, đồng ý tham gia các môn thể thao và trao đổi huấn luyện viên nghệ thuật võ Taekwondo, và kỷ niệm 50 năm giải phóng Triều Tiên khỏi ách thống trị của Nhật. Về các sự kiện mang tính đơn lẻ, CHDCND Triều Tiên đã tham gia trong hoạt động kỷ niệm ngày 15/8 (ngày giải phóng) và lễ hội thống nhất Triều Tiên tại cuộc họp lần thứ 10 tại Hàn Quốc (năm 2005) để kỷ niệm *Tuyên bố chung* Bắc-Nam Triều Tiên ngày 15/6. Trong quá trình này, CHDCND Triều Tiên đã thể hiện hành động thân mật chưa từng thấy là đã đến thăm Đài tưởng niệm Quốc gia tại Seoul.

Thứ ba, theo điều 3 trong bản *Tuyên bố chung* (giải quyết các vấn đề nhân đạo), CHDCND Triều Tiên đã ủng hộ việc người CHDCND Triều Tiên về thăm thành phố quê hương của họ, thể hiện sự mong muốn giải quyết các vấn đề tù nhân chiến tranh và những người Hàn Quốc bị CHDCND Triều Tiên bắt, và cho phép các gia đình ly tán được gặp gỡ nhau...

Thứ tư, trong chương trình nghị sự của các cuộc hội đàm cấp bộ, CHDCND Triều Tiên đã cố gắng để đạt được các lợi ích về kinh tế. Trong tất cả 16 cuộc đàm phán, cả hai bên đều đồng lòng nhất trí với điều 4 của *Tuyên bố chung* (thúc đẩy kinh tế của cả hai miền, trao đổi liên Triều và hợp tác). CHDCND Triều Tiên đã hợp tác nhiệt tình trong việc triển khai 3 dự án hợp tác kinh tế: Dự án công nghiệp Kaesong; Dự án khu du lịch Mt. Kumkang; và các dự án nối lại tuyến đường sắt Gyeongui và Donghae và đường bộ, và cũng nhất trí tạo các điều kiện về thể chế cho việc hợp tác kinh tế. Bên cạnh đó, CHDCND Triều Tiên đồng ý thực hiện công trình chống lụt cho sông Imjin, bắt đầu hợp tác đánh cá liên Triều, thực hiện trao đổi du lịch, cho phép tàu dân sự vượt qua hải phận của mỗi nước, ký hiệp định hàng hải...

Thứ năm, tại cuộc hội đàm cấp bộ đầu tiên, CHDCND Triều Tiên nhất trí khôi phục lại hoạt động của văn phòng liên lạc đặt ở làng biên giới Panmunjom, tiến hành các cuộc hội đàm của Ủy ban hợp tác kinh tế Bắc-Nam. CHDCND Triều Tiên cũng đồng ý mở một số cuộc họp thảo luận về việc nối lại đường sắt và đường bộ, và giảm sự căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên. Sau các cuộc hội đàm cấp nhà nước, hai bên đã thành lập ra Ban tư vấn hợp tác hàng hải và Ủy ban hợp tác nông nghiệp.

Trên cơ sở thành tích đã đạt được tại hội nghị thượng đỉnh, hai miền Triều Tiên đã cùng nhau xây dựng “hiệp ước hoà bình” với mục đích tương tự như “hiệp ước không xâm lược” của bản thoả thuận cơ bản, và nhấn mạnh đến sự thay đổi trật tự thế giới và mối quan hệ liên Triều. Nhiệm vụ cụ thể là ngăn

chặn chiến tranh và xây dựng hoà bình trên bán đảo Triều Tiên vốn đã được thực thi.

Nhìn chung, CHDCND Triều Tiên đã đưa ra chiến lược để đạt được mục đích thu lợi về kinh tế qua việc hợp tác với Hàn Quốc: giải quyết mối lo ngại về an ninh qua việc tạo ra lập trường chung chống lại Mỹ; và cộng tác với Hàn Quốc trong việc thống nhất bán đảo Triều Tiên.

4. Hội nghị thượng đỉnh liên Triều lần thứ hai (ngày 2-4/10/2007) đánh dấu bước ngoặt lịch sử, mở ra triển vọng tốt đẹp cho quan hệ giữa 2 miền Triều Tiên.

Với sự tiếp đón nồng hậu của nhân dân CHDCND Triều Tiên đối với phái đoàn của Tổng thống Hàn Quốc Roh Moo-hyun tại Hội nghị thượng đỉnh liên Triều lần thứ hai, Chủ tịch CHDCND Triều Tiên Kim Jong- Il và Tổng thống Hàn Quốc Roh Moo-hyun đã tập trung thảo luận về các biện pháp thúc đẩy hòa bình trên bán đảo; viện trợ và đầu tư của Hàn Quốc cho CHDCND Triều Tiên; vấn đề biên giới, đoàn tụ các gia đình ly tán, du lịch, khai thác mỏ và đẩy mạnh hoạt động của hệ thống đường sắt liên Triều. Những chủ đề nhạy cảm và các vấn đề tồn tại, như bắt cóc, tù nhân chiến tranh,... không được đưa ra thảo luận. Sau ba ngày hội đàm, hai bên đã ký *Tuyên bố chung về quan hệ tiến bộ Nam-Bắc Triều Tiên, hòa bình và thịnh vượng*. *Tuyên bố chung* này bao gồm 8 điểm chính, đặt nền móng cho việc tái lập hòa bình, hòa giải giữa hai miền Triều Tiên. Quan trọng nhất trong bản *Tuyên bố chung* là việc hai bên đồng ý quan điểm nên kết thúc cơ chế ngừng bắn cho cuộc Chiến tranh Triều

Tiên 1950-1953 và thay bằng một hệ thống hòa bình lâu dài. Hai nhà lãnh đạo đề nghị các nước liên quan tới cuộc chiến này nhóm họp lại để bàn về một hòa ước chính thức. Bản *Tuyên bố chung* cũng nêu rõ, hai miền Nam-Bắc Triều Tiên nhất trí chấm dứt các hành động quân sự thù địch và mở rộng đáng kể việc hợp tác liên Triều về chính trị, kinh tế, phi hạt nhân và nhiều vấn đề khác.

Một tháng sau Hội nghị thượng đỉnh liên Triều lần thứ hai, Chủ tịch CHDCND Triều Tiên Kim Jong-Il đã tới Hàn Quốc thảo luận về các biện pháp chi tiết để thực thi những thỏa thuận trong *Tuyên bố chung* đã ký trong cuộc gặp thượng đỉnh liên Triều lần hai, trong đó kêu gọi hòa bình và sự hợp tác mạnh mẽ hơn giữa hai miền về kinh tế. Tuy nhiên hoạt động này sau đó bị đình trệ do nổ ra căng thẳng xung quanh chương trình vũ khí hạt nhân của CHDCND Triều Tiên.

Vào tháng 12/2007 các quan chức quân đội hàng đầu của Hàn Quốc và CHDCND Triều Tiên đã hội đàm về khu vực đánh bắt cá chung, nhằm cải thiện quan hệ song phương. Hai bên cũng lên kế hoạch xúc tiến việc dàn xếp về an ninh dành cho các dự án liên biên giới khác. Ngày 25/1/2008, hai miền Triều Tiên đã bắt đầu nối lại các cuộc đàm phán quân sự. Tuy nhiên tại cuộc hội đàm này, hai bên đã không thể đạt được thỏa thuận về vùng đánh bắt cá chung và về vấn đề phân chia lãnh thổ.

5. Mặc dù chủ trương, đường lối hòa bình và hòa giải vẫn được Chính phủ của tân Tổng thống Hàn Quốc Lee Myung-bak theo đuổi kể từ khi ông nhậm chức vào tháng 2/2008, song

những tuyên bố cứng rắn, đối lập với 2 tổng thống tiền nhiệm đã đẩy mối quan hệ liên Triều trở về thời kỳ đen tối.

Sau khi nắm quyền, Tổng thống Lee Myung-bak tiếp tục theo đuổi đường lối, chính sách hòa bình và hòa giải, nhưng tuyên bố gần vấn đề giải trừ vũ khí hạt nhân với viện trợ nhân đạo. Để thực hiện mục tiêu, ông đã đề ra kế hoạch *Tầm nhìn 3000: phi hạt nhân hóa*, trong đó nêu rõ rằng nếu CHDCND Triều Tiên chấp nhận từ bỏ hoàn toàn vũ khí hạt nhân và mở cửa với bên ngoài, Hàn Quốc sẽ cùng với cộng đồng quốc tế giúp CHDCND Triều Tiên cải thiện tình hình kinh tế, giáo dục, tài chính và hệ thống phúc lợi xã hội để nâng thu nhập quốc dân bình quân theo đầu người của CHDCND Triều Tiên lên mức 3.000 USD trong vòng 10 năm.

Vấn đề càng trở nên nghiêm trọng khi một tướng lĩnh cấp cao của Hàn Quốc tuyên bố rằng Hàn Quốc sẵn sàng tấn công phủ đầu vào các cơ sở hạt nhân của CHDCND Triều Tiên nếu thấy có dấu hiệu đe dọa đến quân đội Hàn Quốc. Tuyên bố đó đã làm Bình Nhưỡng có phản ứng quyết liệt. Ngay sau khi nghe tuyên bố trên, CHDCND Triều Tiên đã cho thử tên lửa ở bờ biển phía Đông, đồng thời cho máy bay phản lực tuần tiễu gần không phận của Hàn Quốc, tuyên bố ngừng mọi đối thoại liên Triều, ngừng việc dỡ bỏ các lò phản ứng hạt nhân theo thoả thuận 6 bên đã đạt được từ năm trước và đe dọa sẽ biến Seoul thành tro bụi nếu bị tấn công. Tiếp theo đó, Bình Nhưỡng trục xuất lần lượt hầu hết các cán bộ Hàn Quốc đang làm việc tại Tổ hợp công nghiệp Kaesong về nước, cắt đứt mọi liên lạc với Hàn Quốc, diễn tập chiến tranh,...

Để xoa dịu tình hình, nhân chuyến viếng thăm Mỹ vào giữa năm 2008, Tổng thống Lee Myung-bak đã đề nghị mở văn phòng liên lạc thường trực ở Seoul và Bình Nhưỡng. Tuy nhiên CHDCND Triều Tiên đã phản đối đề nghị này, cho rằng việc mở văn phòng liên lạc là một thông điệp nói rằng chính quyền Hàn Quốc đang cố gắng hạ thấp cấp quan hệ liên Triều từ đặc biệt xuống quan hệ ngoại giao bình thường như đối với các quốc gia khác.

Mặc dù quan hệ hai nước Triều Tiên có lúc êm dịu hơn đôi chút, thể hiện qua các dự định đối thoại về quân sự, nổi lại các cuộc tiếp xúc chính thức giữa hai chính phủ vốn đã nguội lạnh từ khi Tổng thống Lee Myung-bak lên nắm quyền, nhưng sự lắng dịu cũng chẳng kéo dài được là bao. Việc đóng cửa biên giới, trục xuất hầu hết người Hàn Quốc khỏi khu công nghiệp Kaesong, đình chỉ hoạt động đường sắt, du lịch qua biên giới bắt đầu từ tháng 12/2008, huỷ các thoả thuận chính trị, quân sự, và đe dọa gây ra chiến tranh đã làm cho quan hệ giữa hai nước lại trở nên căng thẳng, đe dọa đến an ninh khu vực nói chung.

Hiện nay CHDCND Triều Tiên đã thể hiện động thái muốn hợp tác với Hàn Quốc, cải thiện quan hệ với Mỹ. Tuy nhiên, sự tiến triển của mối quan hệ này vẫn bất ổn định và chịu ảnh hưởng bởi các nước lớn.

Có thể thấy rằng, quan hệ chính trị, ngoại giao giữa CHDCND Triều Tiên và Hàn Quốc đã trải qua những bước thăng trầm lịch sử. Không giống như mối quan hệ giữa các quốc gia khác, đây là mối quan hệ giữa hai nước cùng chung một dân tộc, nguồn gốc, đã từng là một quốc gia thống nhất. Để tiến tới mục đích

cuối cùng là tái thống nhất đất nước còn nhiều khó khăn phải vượt qua, đòi hỏi sự nỗ lực của cả hai phía Hàn Quốc và CHDCND Triều Tiên trong việc giải quyết những bất đồng. Đồng thời cần tới sự trợ giúp của cộng đồng quốc tế, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc trong việc giải quyết triệt để vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên. Sự tiến triển trong quan hệ hai nước đã và sẽ phụ thuộc vào chủ trương, đường lối của các nhà lãnh đạo hai nước và sự can thiệp của các nước lớn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. H. J. Chon. Characteristics of North Korean Policy. KINU Research Abstracts'02, Korea Institute for National Unification, Abstract series 03-1, pp 39-45, Seoul, 2003.
2. S. Cheon. SPSI & the South Korean Position. Korea Institute for National Unification, Studies series 03-08, Seoul, 2008.
3. Dick K.Nanto & Mark E. Manyin. The Kaesong North-South Korean Industrial Complex. CRS Report for Congress, Congressional Research Service, Seoul 2008.
4. M. Y. Huh. 60th Anniversary of Korea Liberation: Current Status of Inter-Korean Relations and Future Direction. *International Journal of Korean Unification Studies*, Vol 15, No 1, 2006, pp 66-106, Korea Institute for National Unification, Seoul, 2006.
5. M. Y. Huh. North Korea's Negotiation Behavior toward South Korea: Continuities and Changes in the Post Inter-Korean Studies Era. Korea Institute for National Unification, Studies series 06-02, Seoul, 2006.
6. Hyundai Asian Kaesong Industrial Park, Brochure, 2006, ROK, Ministry.
7. S. H. Kim. North Korean Policy of the Lee Myung-bak Government. *KINU Insight*, No 4, 2008, pp 1-12, Korea Institute for National Unification, Seoul, 2008.
8. E. chil Lin. Kaesong Industrial Complex, History, Pending Issues and outlook. Seoul, Haenam Publishing Company, 2006.
9. Ministry of Unification. Current Status of Operation in Industrial Complex. Seoul, 2006.
10. S. Nakato. South Korea's Paradigm Shift in North Korean Policy and Trilateral Cooperation among the US, Japan, and Korea. *International Journal of Korean Unification Studies*, Vol 17, No 1, 2008, pp 41-61, Korea Institute for National Unification, Seoul, 2008.
11. J. C. Park. Paradigm Change of North Korea Policy from Engagement to Pragmatism: Focusing on Seven Points. *KINU Insight*, No 7, 2008, pp 8-10, Korea Institute for National Unification, Seoul, 2008.
12. <http://www.korea.net>
13. <http://www.dantri.com.vn>
14. <http://www.bbc.com>
15. <http://www.vnexpress.net>
16. <http://www.home.vnn.vn>